

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Hà Nội, tháng 4 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bảng	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bảng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 04.04/2015/ BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 04 năm 2015, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kiểm toán Dự án Nhà máy Xi măng 12/9 do Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An làm chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An là đơn vị tổng thầu đã nhận được công văn của Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải liên quan đến việc dừng thực hiện Dự án Nhà máy Xi măng 12/9, xây dựng phương án chuyển nhượng, góp vốn tại Công ty cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán, chưa có quyết định cuối cùng để xử lý vấn đề trên. Do đó, Công ty chưa có cơ sở để thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu tương ứng bị ảnh hưởng trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ vấn đề trên.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng công nợ ngắn hạn của Công ty vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 85.602.729.939 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là sự thiếu hụt về vốn tại các Công ty con của Công ty. Điều này dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty con của Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Tuy nhiên, Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đánh giá các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục và chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn với tổng giá trị là 32.335.527.804 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, nếu phản ánh đúng giá trị phân bổ thì chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" và "Chi phí trả trước ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi 32.335.527.804 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng 32.335.527.804 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi tương ứng là 32.335.527.804 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.022.226.557.096	1.304.248.059.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.444.680.140	5.488.130.923
1. Tiền	111		2.944.680.140	5.488.130.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	243.644.551.093	216.695.461.578
1. Đầu tư ngắn hạn	121		243.644.551.093	216.695.461.578
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.533.638.348	502.346.662.302
1. Phải thu khách hàng	131		102.886.253.230	89.877.005.100
2. Trả trước cho người bán	132		55.531.809.448	58.972.765.743
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		28.811.189.205	28.209.409.659
4. Các khoản phải thu khác	135	V.3	348.980.613.344	330.963.708.679
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.676.226.879)	(5.676.226.879)
IV. Hàng tồn kho	140		202.681.408.444	534.359.317.480
1. Hàng tồn kho	141	V.4	202.681.408.444	534.359.317.480
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.922.279.071	45.358.487.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.145.060.496	18.255.843.495
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		634.161.631	227.282.757
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	28.143.056.944	26.875.361.195
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		195.844.984.415	197.049.086.198
I. Tài sản cố định	220		131.808.968.194	122.280.684.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	81.265.580.417	112.548.734.787
- Nguyên giá	222		167.303.142.039	176.257.823.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.037.561.622)	(63.709.088.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227		633.425.712	905.480.043
- Nguyên giá	228		1.509.038.220	1.496.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(875.612.508)	(590.558.177)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	49.909.962.065	8.826.469.796
II. Bất động sản đầu tư	240	V.8	14.384.852.429	8.910.524.292
- Nguyên giá	241		15.339.660.584	9.379.499.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(954.808.155)	(468.974.963)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.524.875.901	6.524.875.901
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	6.524.875.901	6.524.875.901
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.985.856.646	39.809.861.086
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21.825.607.823	34.877.071.112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.160.248.823	4.932.789.974
V. Lợi thế thương mại	269		16.140.431.245	19.523.140.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.218.071.541.511	1.501.297.145.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.183.501.013.726	1.450.058.921.594
I. Nợ ngắn hạn	310		1.107.629.287.035	1.307.162.493.105
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	102.520.697.589	152.013.630.469
2. Phải trả người bán	312		219.428.744.343	206.766.590.102
3. Người mua trả tiền trước	313		228.398.655.168	507.150.144.311
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	24.694.995.287	25.972.955.774
5. Phải trả người lao động	315		12.815.179.034	12.848.743.024
6. Chi phí phải trả	316	V.12	56.656.254.767	37.933.439.824
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		10.801.668.182	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	431.387.576.386	343.457.633.322
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.925.516.279	21.019.356.279
II. Nợ dài hạn	330		75.871.726.691	142.896.428.489
1. Phải trả dài hạn khác	333		16.155.567.932	16.155.567.930
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	56.588.699.937	75.482.595.650
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		227.458.849	-
4. Doanh thu ghi nhận trước	338		2.899.999.973	51.258.264.909
B. NGUỒN VỐN	400		25.083.701.601	41.094.260.611
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	25.083.701.601	41.094.260.611
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.457.305.323	24.457.305.323
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		890.873.699	890.873.699
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(224.105.429.803)	(208.094.870.793)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		9.486.826.184	10.143.963.723
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.218.071.541.511	1.501.297.145.928



Nguyễn Ngọc Bằng
Tông Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		379.630.978.390	207.005.144.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	379.630.978.390	207.005.144.719
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	380.775.022.366	244.660.175.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.144.043.976)	(37.655.031.249)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.930.837.752	15.172.862.578
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.295.981.633	51.447.641.748
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.890.798.750	49.206.850.927
8. Chi phí bán hàng	24		1.940.818.359	2.404.828.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.777.949.110	35.885.856.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(48.227.955.326)	(112.220.495.014)
11. Thu nhập khác	31		40.021.723.494	20.902.311.640
12. Chi phí khác	32		13.851.600.559	4.650.276.063
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	26.170.122.935	16.252.035.577
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.057.832.391)	(95.968.459.437)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.665.153.062	5.214.290.654
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	(128.602.621)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.722.985.453)	(101.054.147.470)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(791.534.482)	(37.220.018.567)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(26.931.450.971)	(63.834.128.903)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(1.233)	(2.922)



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(22.057.832.391)	(95.968.459.437)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.486.546.954	17.522.710.564
Các khoản dự phòng	03	-	5.511.965.247
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.539.083.338)	(300.000.000)
Chi phí lãi vay	06	20.890.798.750	49.206.850.927
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(6.219.570.025)	(24.026.932.699)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(28.186.976.046)	(24.740.117.160)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	331.677.909.036	27.386.831.986
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(262.735.523.377)	21.244.121.839
Giảm chi phí trả trước	12	11.783.767.540	24.339.103.117
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.551.783.079)	(7.500.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.289.888.473)	(170.657.014)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.003.680.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.185.233.141)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.296.382.435	24.024.850.069
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(10.769.252.744)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	41.380.000.000	300.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.859.556.450)	(4.105.168.805)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.062.500.000	14.127.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	233.304.569	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.046.995.375	10.321.831.195
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.663.081.666	64.090.385.478
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(89.049.910.259)	(109.432.598.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.386.828.593)	(45.342.213.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(43.450.783)	(10.995.531.874)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.488.130.923	16.483.662.797
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.444.680.140	5.488.130.923



Nguyễn Ngọc Băng
Tông Giám đốc

Ngày 15 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 06 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Khố 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 99%.
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Tầng 23-24 tòa nhà Dầu khí, Số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Hoạt động chính: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và thương mại.
Giá trị đầu tư: 91.645.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 54,67%.
Tỷ lệ biểu quyết: 54,67%.
3. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 47%.
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
Giá trị đầu tư: 10.199.955.452 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 51%.
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
5. Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Xóm Mai Lộc, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An
Hoạt động chính: Sản xuất bê tông, buôn bán vật liệu xây dựng
Giá trị đầu tư: 30.037.405.703 đồng
Tỷ lệ lợi ích: 100%
Tỷ lệ biểu quyết: 100%